TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 327/2021/HS-PT
Ngày: 16/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Minh Tuấn**

Ông **Mai Xuân Thành**

Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Tuyết Trinh** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông **Quách Đức Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 373/2021/TLPT-HS ngày 24 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Bùi Thụy Thùy T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2021/HS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Bùi Thụy Thùy T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 15/6/1972 tại Quảng Nam; Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi C (c) và bà Nguyễn Thị Đ (s); Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 2; Có 01 con tên Bùi Bảo M (sinh năm 1998).

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 23/5/2020. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thụy Thùy T: ông Nguyễn Tấn B – Luật sư Công ty Luật X, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ tại: thành phố Đà Nẵng. Bào chữa theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

- Người bị hại: Bà Ngô Thị Kim H, trú tại: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1973, trú tại: thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1966, trú tại: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà V: Ông Trần Xuân V, Luật sư Văn phòng luật sư H, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ ngày 01/8/2017 đến ngày 20/6/2019, Bùi Thuỵ Thuỳ T đã nhiều lần đưa những thông tin gian dối trong việc kinh doanh và đã chiếm đoạt tài sản của nhiều người, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Năm 2017, Bùi Thuỵ Thuỳ T cùng với Nguyễn Văn A (Sinh năm 1973, trú TP Đà Nẵng - là người chung sống với T như vợ chồng) có đến lưu trú tại khách sạn "X" tại số 74 L do chị Ngô Thị Kim H (sinh năm 1972, trú 74 L, TP Đà Nẵng) làm chủ. Trong quá trình lưu trú tại đây, T làm quen và có vay chị H số tiền 35.000.000 đồng để đóng hàng vải bán cho khách hàng nước ngoài và hẹn một tuần sẽ trả tiền gốc. Sau khi mượn được tiền, đúng hẹn, T trả lại số tiền trên cho chị H và hỏi chị H tiền lãi nhưng chị H không lấy mà chỉ nhận tiền gốc. Thấy chị H tin tưởng, nên T bắt đầu nói dối chị H cho vay tiền để T mua nguyên phụ liệu, vải may mặc bán cho khách hàng Đài Loan sẽ thu lợi nhuận cao, chị H tin tưởng thật và đã cho T vay tiền. Tính từ ngày 01/08/2017 đến ngày 04/06/2018 chị H đã nhiều lần chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng và giao tiền mặt cho T với tổng số tiền 31.000.000.000 đồng.

Toàn bộ số tiền 31.000.000.000 đồng, chiếm đoạt được trong quá trình thực hiện việc lừa đảo, để củng cố lòng tin của chị H, T đã sử dung chính số tiền chiếm đoạt của chị H trả lại cho chị H nhiều lần với tổng số tiền là 5.000.000.000 đồng. Số tiền còn lại 26.000.000.000 đồng T sử dụng tiêu xài hết.

Chị H nhiều lần yêu cầu T trả lại tiền vốn thì T đưa ra nhiều lý do và không trả tiền cho chị H. Đến giữa năm 2019, T có đưa cho chị H 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AI524992 do UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 22/10/2007 cho Nguyễn Văn A để làm tin. Khi nhận Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất chị H có hỏi T giấy này ở đâu ra, thì T nói của ông A nhờ T giữ dùm.

Tang vật thu giữ:

- 01 bản sao kê chi tiết phát sinh đề ngày 09 tháng 01 năm 2020 của ngân hàng Đông Á đối với số TK0101042225, chủ tài khoản Ngô Thị Kim H sao kê từ ngày 01/12/2017 đến ngày 30/6/2018.

- 01 giấy mượn tiền đề ngày 01/08/2017 có chữ ký và ghi tên người mượn tiền là Bùi Thụy Thùy T.

- 01 giấy mượn tiền có chữ ký và ghi tên người mượn tiền là Bùi Thụy Thùy T có nội dung vay của bà Ngô Thị Kim H số tiền là 300.000.000 đồng.

- 01 giấy mượn tiền đề ngày 28/5/2018 có chữ ký và ghi tên người mượn tiền là Bùi Thụy Thùy T.

- 01 giấy vay tiền có ghi ngày 10/5/2018 có chữ ký và ghi tên người mượn tiền là Bùi Thụy Thùy T.

- 01 giấy mượn tiền đề ngày 04/6/2018 có chữ ký và ghi tên người mượn tiền là Bùi Thụy Thùy T.

(BB tạm giữ đồ vật, tài liệu lúc 14h ngày 19.02.2020 của Ngô Thị Kim H)

- 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AI524992 do UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 22/10/2007 cho Nguyễn Văn A

(BB tạm giữ đồ vật, tài liệu của bà H lúc 14 giờ ngày 27/8/2020)

Theo Kết luận giám định số 271/C09C (Đ6) ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Phân viện KHHS tại TP Đà Nẵng kết luận: Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Bùi Thụy Thùy T dưới các mục "Người mượn tiền" trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu A1, A4); "Người mượn" trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu A2, A5); "Ngày 28/5/2018" trên các tài liệu cần giám định (Ký hiệu A3) và chữ chữ ký, chữ viết đứng tên Bùi Thụy Thùy T trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2) là do cùng một người ký và viết ra.

Theo Kết luận giám định số 170/C09C-Đ2 ngày 23/02/2021 của Phân viện KHHS tại TP Đà Nẵng kết luận:

1. Mẫu in của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cần giám định (ký hiệu A) là mẫu in thật.

2. Hình dấu có nội dung "ỦY BAN N.D HUYỆN N T. QUẢNG NAM" (phía dưới có mục: "TM. ỦY BAN NHÂN DÂN KT CHỦ TỊCH" trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cần giám định (ký hiệu A) với mẫu hình dấu có cùng nội dung của UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M2 đến M18) là do cùng một con dấu đóng ra.

3. Chữ ký mang tên Nguyễn Văn M (phía dưới mục: "TM. ỦY BAN NHÂN DÂN KT CHỦ TỊCH") trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cần giám định (ký hiệu A) với mẫu chữ ký đứng tên ông Nguyễn Văn M, Phó Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M2 đến M18) là do cùng một người ký ra.

Vụ thứ hai: Vào ngày 10/4/2019, T đến gặp chị Nguyễn Thị Thu S (Sinh năm 1971, trú TP Đà Nẵng) nói dối là cần tiền để chung chi cho cán bộ ngân hàng X chi nhánh Đ, Đà Nẵng để giải ngân khoản vay 2 tỷ. Để chị S tin tưởng, T nói đã thế chấp nhà thuộc sở hữu của T ở địa chi Lê Văn Sỹ, TP HCM trị giá 9 tỷ tại Ngân hàng X TP HCM liên kết ra phòng giao dịch X Đà Nẵng tại đường Đ để nhận tiền vay, T đã làm xong các thủ tục vay thế chấp nhưng không hiểu vì sao chưa nhận được tiền. Sau đó, T tiếp tục đến gặp chị S hỏi mượn tiền nhiều lần để lo cho Hải quan để làm nhanh thủ tục xuất lô vải lấy tiền trả lại cho chị S. Để bà S tin tưởng T có gửi hình nhiều cây vải và container qua điện thoại của bà S, nên chị S tin tưởng. Với các thủ đoạn đó, trong khoảng thời gian từ tháng 4/2019 đến

tháng 6/2019, T đã lừa đảo chiếm đoạt cả chị S với tổng số tiền là 850.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ, T không trả tiền cho chị S nên chị S liên tục đòi. Do đó, từ ngày 27/6/2019 đến ngày 10/5/2020, T đã nhiều lần chuyển khoản trả chị S tổng số tiền 405.000.000 đồng. Số tiền còn lại 445.000.000 đồng T đã tiêu xài hết.

Tang vật thu giữ:

- 01 giấy cam kết (giấy mượn tiền) đề ngày 20/6/2019 có chữ ký, ghi tên người mượn tiền là Bùi Thụy Thùy T (Do Nguyễn Thị Thu S giao nộp lúc 10 giờ 30 ngày 29/5/2020).

* **Về trách nhiệm bồi thường dân sự**: Đề nghị buộc Bùi Thụy Thùy T trả cho chị Ngô Thị Kim H số tiền 26.000.000.000 đồng; trả cho chị Nguyễn Thị Thu S số tiền 445.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra Bùi Thụy Thùy T thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, T chưa khắc phục hậu quả nên chỉ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS và tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 BLHS.

Với hành vi được xác định như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2021/HS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Thụy Thùy T** phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Bùi Thụy Thùy T: Tù Chung thân** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 23 tháng 5 năm 2020.

2. Về trách nhiệm dân sự và việc bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 117, 123, 127, 131 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; buộc bị cáo Bùi Thụy Thùy T phải bồi thường cho những người bị hại cụ thể như sau:

- Bồi thường cho chị Ngô Thị Kim H số tiền 26.000.000.000 đồng (*Hai mươi sáu tỷ đồng*).

- Bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thu S số tiền 445.000.000 đồng *(Bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng*).

Tổng cộng, bị cáo Bùi Thụy Thùy T phải bồi thường cho 2 người bị hại số tiền là 26.445.000.000 đồng (*Hai mươi sáu tỷ bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng).*

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên trả cho ông Nguyễn Văn A:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI524992 vào ngày 22/10/2007 cho Nguyễn Văn A.

(*Vật chứng trên hiện nay Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/02/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an TP. Đà Nẵng và Cục thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng*).

- Truy thu bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1966; trú tại: Số 91 Lê Thạch, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng số tiền 2.939.627.000 đồng mà bị cáo T chuyển bà V để trả lại cho bị hại Ngô Thị Kim H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xử sơ thẩm: Ngày 26/5/2021, bị cáo Bùi Thụy Thùy T kháng cáo cho rằng: Mức hình phạt tù chung thân mà bản án sơ thẩm đã quyết định đối với các bị cáo là quá nặng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; ngày 21/5/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án – bà Huỳnh Thị V kháng cáo đề nghị xem xét lại số tiền 2.966.776.000 đồng của bị cáo T trả nợ cho Bà.

Tại phiên tòa: bị cáo Bùi Thụy Thùy T, bà Huỳnh Thị V vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Thụy Thùy T, không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị V, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2021/HS-ST ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định đối với Bị cáo và Người liên quan vì: Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Bùi Thụy Thùy T, bà Huỳnh Thị V kháng cáo nhưng không có tình chứng cứ nào mới. Về trách nhiệm bồi thường của bị cáo T nên trừ số tiền 2.966.776.000 đồng của bà V bị thu giữ, đồng thời xem xét lại án phí dân sự cho bị cáo T; Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Bùi Thụy Thùy T để cho bị cáo được hưởng hình phạt tù có thời hạn; Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà Huỳnh Thị V đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà V vì: Quan hệ giữa bà V với bị cáo T là quan hệ dân sự về vay mượn tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T.

Sau khi nghe: Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của Người bị hại; quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án; căn cứ của các Luật sư bào chữa cho bị cáo, bảo vệ quyền lợi cho đương sự và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và lời khai của các bị cáo, người bị hại tại phiên tòa phúc thẩm thì có căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 01/8/2017 đến ngày 20/6/2019, bị cáo Bùi Thụy Thùy T đã đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt số tiền 31.850.000.000 đồng của chị Ngô Thị Kim H và chị Nguyễn Thị Thu S; trong đó chiếm đoạt của chị Ngô Thị Kim H số tiền 31.00.000.000 đồng, chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Thu S số tiền 850.000.000 đồng.

Với hành vi và hậu quả như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2021/HS-ST ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tuyên bố: Bị cáo Bùi Thụy Thùy T phạm tội: " Lừa đảo chiếm đoạt tải sản ". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Thụy Thùy T thì thấy: Bị cáo T đã lợi dụng sự tin tưởng của những người bị hại và đưa ra thông tin không đúng sự thật về việc kinh doanh của mình để chiếm đoạt số tiền 31.850.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, số tiền bị cáo chiếm đoạt trên 500.000.000 đồng nên hành vi phạm tội của bị cáo bị truy tố và xét xử theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra; số tiền bị cáo chiếm đoạt là rất lớn (hơn 31 tỷ đồng), bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 "*phạm tội 02 lần trở lên*" và chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ: "*khai báo thành khẩn*" được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo mức án cao nhất của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố và xét xử là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và hậu quả mà bị cáo đã gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào khác nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2021/HS-ST ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với bị cáo Bùi Thụy Thùy T.

[3]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án – bà Huỳnh Thị V đối với số tiền 2.966.776.000 đồng của bị cáo T chuyển cho Bà thì thấy: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện: Trong khoảng thời gian từ ngày 06/12/2017 đến ngày 22/3/2018, bà V chuyển vào tài khoản của Bùi Thụy Thùy T tổng số tiền 3.164.939.000 đồng, cũng trong khoảng thời gian này Bùi Thụy Thùy T chuyển vào tài khoản của bà Huỳnh Thị V tổng số tiền 6.104.566.000 đồng. Chênh lệch giữa tiền T chuyển cho bà V là 2.939.627.000 đồng. Bà V và bị cáo T đều cho rằng đây là tiền mặt bà V cho bị cáo T mượn trước đây. Bà V không nhớ cụ thể số tiền đã cho T vay, mỗi lần cho T vay tiền không có viết giấy nhưng đến nay T đã trả đủ, giữa bà và T không còn nợ nần gì. Với nội dung cụ thể như trên, Bản án sơ thẩm nhận định: " Tuy nhiên, trong quá trình điều tra đã đủ căn cứ xác định khoản tiền 2.939.627.000 đồng mà Bùi Thụy Thùy T chuyển cho bà Huỳnh Thị V là tiền T chiếm đoạt của chị Ngô Thị Kim H nên cần truy thu để đảm bảo quyền lợi cho bị hại H. Tại phiên tòa, bà V yêu cầu bị cáo T cho bà V số tiền 2.966.776.000 đồng. Yêu cầu này của bà V không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận ". Nhận định của án sơ thẩm là có căn cứ nên kháng cáo của bà Huỳnh Thị V không có căn cứ để chấp nhận. Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị: Về trách nhiệm bồi thường của bị cáo T nên trừ số tiền 2.966.776.000 đồng của bà V bị thu giữ vào số tiền mà bị cáo T phải bồi thường

cho bà Ngô Thị Kim H, đồng thời xem xét lại án phí dân sự cho bị cáo T thì thấy: Trong quá trình trình truy tố và xét xử sơ thẩm thì bà Huỳnh Thị V chưa giao nộp số tiền 2.966.776.000 đồng nên Quyết định của Bản án sơ thẩm không trừ vào số tiền mà bị cáo T phải bồi thường cho bà Ngô Thị Kim H để giảm trách nhiệm bồi thường và án phí sơ thẩm cho bị cáo T là có căn cứ, đề nghị của Viện kiểm sát về nội dung này không có căn cứ để chấp nhận. Sau khi thu được 2.966.776.000 đồng của bị cáo T mà bà Huỳnh Thị V đang giữ thì sẽ được trừ vào số tiền mà bị cáo T phải bồi thường cho bà Ngô Thị Kim H như Quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2021/HS-ST ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Bùi Thụy Thùy T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bà Huỳnh Thị V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b, f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thụy Thùy T, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án – bà Huỳnh Thị V. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2021/HS-ST ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

1. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Thụy Thùy T: Tù Chung thân** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23 tháng 5 năm 2020.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

- Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Truy thu bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1966; trú tại: Số 91 Lê Thạch, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng số tiền 2.939.627.000 đồng mà bị cáo T chuyển bà V để trả lại cho bị hại Ngô Thị Kim H.

3. Án phí phúc thẩm:

- Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

3.1**.** Bị cáo: Bùi Thụy Thùy T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm;

3.2**.** Bà Huỳnh Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0002898 ngày 02/6/2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Các quyết định khác về: Trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại; Xử lý vật chứng và các Biện pháp tư pháp; Án phí sơ thẩm và quy định về thi hành án, chậm thi hành án không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2021/HS-ST ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc Kiểm tra I – TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND, VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường An Hải Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (thay thông báo);
- Cơ quan THAHS CA thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV - CA thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Lưu Hồ sơ vụ án, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến